| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN HOÀNG SU PHÌ**<br>TỈNH HÀ GIANG<br>Số: 17/2020/QĐST-HNGĐ | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**<br><br>*Hoàng Su Phì, ngày 16 tháng 3 năm 2020* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 89/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Ma Thị L ; Sinh năm: 1993

Nơi đăng ký HKTT: thị trấn V, huyện H, tỉnh H.

- Bị đơn: anh Âu Quang T ; Sinh năm: 1993.

Nơi đăng ký HKTT: thị trấn V, huyện H, tỉnh H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 3 năm 2020.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 3 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Ma Thị L và anh Âu Quang T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*2.1. Về hôn nhân*: Chị Ma Thị L và anh Âu Quang T nhất trí thuận tình ly hôn.

*2.2. Về nuôi con chung*: Vợ chồng có 01 con chung là Âu Quỳnh C; giới tính: nữ ; sinh ngày 24/12/2015. Khi ly hôn chị L là người trực tiếp nuôi con chung đến khi đủ 18 tuổi, anh T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, một hoặc hai bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

*2.3. Về tài sản chung, công nợ chung:* Vợ chồng không có, không yêu cầu giải quyết.

*2.4. Về án phí*: chị Ma Thị L nhất trí chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoàng Su Phì ngày 04/12/2019, theo biên lai số BB/2013/04267. Trả lại chị L 150.000,đ ( một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chênh lệch.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện;
- UBNDxã Thượng Lâm – Lâm Bình – Tuyên Quang;
- Các đương sự (để thi hành);
- Chi cụcTHADS (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Hoàng Văn Lương**